TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ VŨNG TÀU** TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 232/2019/QĐST-HNGĐ	*Vũng Tàu, ngày 22 tháng 8 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 759/2019/TLST-VHNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Bà Trần Thị H, sinh năm 1980, nơi cư trú: Chung cư Lakeside A2, phường NAN, thành phố VT, tỉnh BR-VT.

- Ông Nguyễn Trọng B, sinh năm 1977, nơi cư trú: Chung cư Lakeside A2, phường NAN, thành phố VT, tỉnh BR-VT.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị H và ông Nguyễn Trọng B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 7, thành phố V theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 49 ngày 28-02-2008 nên là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, cả hai thừa nhận phát sinh mâu thuẫn và xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu thuận tình ly hôn. Xét yêu cầu thuận tình ly hôn giữa bà H và ông B thì thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng ông, bà đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Tòa án đã hòa giải đoàn tụ nhưng bà H, ông B thống nhất thuận tình ly hôn được ghi trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 14 tháng 8 năm 2019 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 55 của Luật hôn nhân và Gia đình nên được chấp nhận.

[2] Về con chung, cấp dưỡng: Bà Trần Thị H và ông Nguyễn Trọng B cùng thống nhất khai trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng có 01 con chung là D, sinh ngày

03-7-2009. Bà H và ông B cùng thống nhất giao con chung cho bà H được trực tiếp nuôi dưỡng. Ông B tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung là 5.000.000đ/tháng cho đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động.Việc cấp dưỡng bắt đầu thực hiện kể từ khi quyết định có hiệu lực pháp luật. Xét việc thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình nên chấp nhận.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Trần Thị H và ông Nguyễn Trọng B cùng thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[4] Về lệ phí Tòa án: Bà Trần Thị H và ông Nguyễn Trọng B cùng thống nhất mỗi người chịu 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng), sự thỏa thuận của các đương sự là phù hợp với khoản 2 Điều 149 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên chấp nhận.

Xét việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Trần Thị H và ông Nguyễn Trọng B thuận tình ly hôn.

- *Về con chung, cấp dưỡng nuôi con:* Bà Trần Thị H được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là D, sinh ngày 03-7-2009 cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi); Ông Nguyễn Trọng B cấp dưỡng nuôi con chung theo định kỳ hàng tháng, cụ thể là 5.000.000đ/01tháng (năm triệu đồng/một tháng). Việc cấp dưỡng bắt đầu thực hiện kể từ khi quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động.

Ông Nguyễn Trọng B được quyền thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con, nếu họ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho

người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Bà Trần Thị H và ông Nguyễn Trọng B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án:

Bà Trần Thị H và ông Nguyễn Trọng B mỗi người phải chịu 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về hôn nhân và gia đình. Bà Trần Thị H và ông Nguyễn Trọng B1 đã nộp đủ lệ phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số TU/2019/0001044 ngày 26/7/2019 và TU/2019/0001045 ngày 26/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND TP. Vũng Tàu;
- Chi cục THADS TP. Vũng Tàu;
- Ủy ban nhân dân phường 7, Tp Vũng Tàu;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Nguyễn Trà My